

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93 /CV-DLG

Gia Lai, ngày 31 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Mã chứng khoán: **DLG**
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng lẻ soát xét 6 tháng đầu năm 2022;
- BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2022;
- Công văn số90./2022/CV-DLGL ngày 30/8/2022 về việc giải trình liên quan BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/8/2022 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng lẻ soát xét 6 tháng đầu năm 2022;
- BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2022;
- Công văn số ...90./2022/CV-DLGL.

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 07
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	08 - 09
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	10 - 11
4. Báo cáo kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	14 - 54
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	55



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: DUC LONG GIA LAI GROUP JSC) được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 33 vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán : DLG
Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
Điện thoại : +84 (026) 9374 8367
Fax : +84 (026) 9374 7366
Mã số thuế : 5900415863

▪ Các chi nhánh

Tên các chi nhánh	Địa chỉ
- Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai	152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai	Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai	Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai.

▪ Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	100%	100%	100%	85,00%	85,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T. Trăn Chư Sê, H. Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%
4.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

▪ Các công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên (*)	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam (*)	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

(*) Đến thời điểm ngày 30/06/2022, Công ty chưa góp vốn vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên và Công ty CP DLG CY Việt Nam nên tỷ lệ phần sở hữu là 0%.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Cơ sở lưu trú khác, Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá, Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su, Chi tiết: Gia công cao su mũ côm;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Mua bán cao su mũ côm; - Mua bán phân bón. - Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường - Bán buôn bê tông xi măng;
- Sản xuất săm, lốp cao su; lắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay - Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phù công nghiệp - Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động quản lý quỹ, Chi tiết: Quản lý quỹ chung;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Sản xuất linh kiện điện tử, Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê, chè, hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp;
- Bán buôn thực phẩm, Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	-
Ông Nguyễn Tường Cột	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	-
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	-
Ông Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/06/2019	30/06/2022
Ông Trần Cao Châu	Thành viên	29/06/2019	30/06/2022

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	-
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	23/06/2018	-
Bà Trần Thị Như Hạnh	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Trần Đình Anh Dũng	Thành viên	20/06/2020	30/06/2022

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	-
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	-
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiêm phụ trách kế toán	03/09/2019	-

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm này là ông Nguyễn Tường Cọt – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 10 đến trang 55.

7 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

8 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng), Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

0303
C
TRÁCH N
KIỂM T
CHU
NS -

9 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.



TM. Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2022.



Số: 2369/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022, từ trang 10 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

75
TY
HỮU
À TỰ
VI
i 0 C

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

- Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.122.277.902.109 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.
- Tại Thuyết minh mục VII.6 - Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 30/06/2022 khoản lỗ thuần lũy kế của Công ty là (1.415.163.392.665) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 299.172.484.383 đồng; Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.877.865.608.123 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.807.793.678.519	1.823.708.460.332
2	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.827.023.149	3.925.003.103
111	1. Tiền		4.827.023.149	3.925.003.103
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.555.091.477.270	1.570.397.696.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	752.316.507.948	763.698.688.288
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	49.478.487.471	51.814.488.110
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	1.051.832.654.824	832.318.832.801
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	321.520.658.358	229.094.749.994
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(620.056.831.331)	(306.529.063.019)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	196.884.557.752	198.421.979.177
141	1. Hàng tồn kho		197.555.336.929	198.537.885.604
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(670.779.177)	(115.906.427)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		990.620.348	963.781.878
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		989.448.224	960.869.261
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	1.172.124	2.912.617
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.103.837.843.690	2.350.255.160.466
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.071.713.917.285	1.293.700.145.308
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	1.070.445.247.285	1.292.431.475.308
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.268.670.000
220	II. Tài sản cố định		348.466.284.224	357.180.818.951
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	348.465.954.441	357.176.107.452
222	- Nguyên giá		452.887.345.953	452.887.345.953
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.421.391.512)	(95.711.238.501)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	329.783	4.711.499
228	- Nguyên giá		399.336.795	399.336.795
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(399.007.012)	(394.625.296)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	114.343.696.141	116.976.236.467
231	- Nguyên giá		167.002.111.806	167.002.111.806
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.658.415.665)	(50.025.875.339)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		32.513.572.979	32.436.436.566
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	32.513.572.979	32.436.436.566
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	534.898.818.014	548.031.514.325
251	1. Đầu tư vào công ty con		806.137.312.500	806.137.312.500
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		8.900.766.000	8.900.766.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		480.000.000	480.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(280.619.260.486)	(267.486.564.175)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.901.555.047	1.930.008.849
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	1.901.555.047	1.930.008.849
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.911.631.522.209	4.173.963.620.798

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.276.990.369.587	2.195.337.181.369
310	I. Nợ ngắn hạn		2.106.966.162.902	2.025.572.304.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	197.842.553.030	183.353.955.804
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	77.523.188.247	96.509.428.707
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	17.668.823.479	22.217.141.960
314	4. Phải trả người lao động		987.125.906	1.102.672.598
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	327.172.054.183	294.607.792.529
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		46.000.000	59.969.697
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	504.303.641.597	445.292.566.931
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	978.714.891.268	979.714.891.268
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.707.885.192	2.713.885.192
330	II. Nợ dài hạn		170.024.206.685	169.764.876.683
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	90.000.000	90.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21	169.934.206.685	169.674.876.683
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.634.641.152.622	1.978.626.439.429
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.634.641.152.622	1.978.626.439.429
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.510.908.328	50.510.908.328
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.415.163.392.665)	(1.071.178.105.858)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(1.071.178.105.858)	(1.107.867.556.385)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(343.985.286.807)	36.689.450.527
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.911.631.522.209	4.173.963.620.798

Người lập biểu



ĐỖ THÀNH NHÂN

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán



ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	19.835.556.374	69.183.540.504
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.835.556.374	69.183.540.504
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	21.286.160.564	71.318.027.091
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.450.604.190)	(2.134.486.587)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	110.058.901.766	99.576.506.939
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	129.769.122.553	104.788.885.258
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		92.043.683.748	86.499.444.382
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	37.922.300	87.588.022
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	319.125.787.405	(69.025.002.583)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(340.324.534.682)	61.590.549.655
31	11. Thu nhập khác		1.782.083.296	10.494.162
32	12. Chi phí khác	VI.7	5.442.835.421	5.538.455.460
40	13. Lợi nhuận khác		(3.660.752.125)	(5.527.961.298)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(343.985.286.807)	56.062.588.357
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(343.985.286.807)	56.062.588.357
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	-	-

Người lập biểu



ĐỖ THÀNH NHÂN

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán


ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Tổng Giám đốc




NGUYỄN TƯỜNG CỘT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(343.985.286.807)	56.062.588.357
	2. Điều chỉnh cho các khoản		345.139.936.902	(58.950.098.957)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.10, V.11	11.347.075.053	11.459.274.341
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.13	327.215.337.373	(60.352.543.143)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	24.592.742.494	3.020.232.402
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.4	(110.058.901.766)	(99.576.506.939)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	92.043.683.748	86.499.444.382
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.154.650.095	(2.887.510.600)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.494.125.694)	16.645.891.155
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		982.548.675	14.866.366.165
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(4.121.491.991)	(13.378.231.782)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		28.453.802	29.573.983
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(167.313.539)	(1.320.293.780)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(5.095.690.000)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6.000.000)	(217.050.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.718.968.652)	13.738.745.141
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(77.136.413)	(1.247.212.607)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.148.000.000)	(56.445.450.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.620.406.000	30.682.528.625
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.225.513.232	22.927.633.075
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		19.620.782.819	(4.082.500.907)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	-	9.101.600.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(1.000.000.000)	(18.595.454.852)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.000.000.000)	(9.493.854.852)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		901.814.167	162.389.382
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	3.925.003.103	5.609.663.982
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		205.879	(20.123)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	4.827.023.149	5.772.033.241

Người lập biểu

ĐỖ THÀNH NHÂN

Trưởng phòng TC – KT
kiểm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Long Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Cơ sở lưu trú khác, Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Casting đá và hoàn thiện đá, Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Do dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, lạm phát tăng cao dẫn đến giá thành nhiên liệu, vật tư, nhân công tăng cao ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể: chuỗi cung ứng bị gián đoạn, doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm (phân bón, đá), các sản phẩm từ gỗ và hoạt động dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ giảm do tác động của thị trường. Ngoài ra, chi phí tài chính tăng do Công ty ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá, trích lập dự phòng đầu tư tài chính; đặc biệt chi phí quản lý doanh nghiệp còn tăng mạnh do ghi nhận chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu đối với các khoản công nợ quá hạn chưa thu hồi dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm so với kỳ trước.

Mặc dù, Công ty lỗ là do ghi nhận chi phí lập dự phòng nhưng Công ty vẫn luôn theo dõi giám sát diễn biến các hoạt động kinh doanh của các đối tác khách hàng để tăng cường thu hồi các khoản công nợ quá hạn và hoàn nhập dự phòng đảm bảo đạt lợi nhuận trong thời gian tới. Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc toàn diện các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

6. Cấu trúc Công ty**Các chi nhánh trực thuộc (trong đó: 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 đơn vị hạch toán báo số)****Tên các chi nhánh**

- Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai
- Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai
- Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai
- Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

- Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- 152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai

Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	100%	100,00%	100,00%	85,00%	85,00%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%	70,60%
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%
4.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên (*)	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam (*)	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp, Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

(*) Đến thời điểm ngày 30/06/2022, Công ty chưa góp vốn vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên và Công ty CP DLG CY Việt Nam nên tỷ lệ phần sở hữu là 0% (xem Thuyết minh mục V.13).

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 70 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 05
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định hữu hình khác	08 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao căn cứ theo Giấy chứng quyền sử dụng đất của Công ty ước tính là 39,5 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

75 -
TY
HỮU H
À TUV
VIỆ
Ồ C

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (gỗ, phân bón, đá...), thành phẩm (sản phẩm từ gỗ)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.130 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.410 VNĐ/USD
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 0,85 VNĐ/LAK.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 1,8 VNĐ/LAK.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.597.656.468	3.660.523.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	229.366.681	264.479.576
Cộng	<u>4.827.023.149</u>	<u>3.925.003.103</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1, Công ty đang tìm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này trong năm 2022.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	28.000.753.043	26.846.310.647
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	15.960.590.711	15.433.148.315
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	6.145.951.000	6.145.951.000
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	4.420.961.332	4.420.961.332
- Công ty CP Bến xe liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	896.250.000	846.250.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	577.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác	724.315.754.905	736.852.377.641
- Lý Trần Tiến	391.021.500.000	391.021.500.000
- Nguyễn Tuấn Vũ	136.400.000.000	136.400.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	89.179.966.779	76.611.779.427
- Tập Đoàn XDCĐ, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào	42.796.133.117	67.466.845.149
- Các khách hàng khác	64.898.155.009	65.352.253.065
Cộng	<u>752.316.507.948</u>	<u>763.698.688.288</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	100.000.000	100.000.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	100.000.000
Trả trước cho các người bán khác	49.378.487.471	51.714.488.110
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	15.204.370.000	15.204.370.000
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	7.603.234.071
- Các người bán khác	26.570.883.400	28.906.884.039
Cộng	<u>49.478.487.471</u>	<u>51.814.488.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	1.049.985.281.377	827.871.459.354
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai ⁽¹⁾	175.832.000.000	115.832.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽²⁾	152.455.555.500	102.455.555.500
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽³⁾	144.000.000.000	144.000.000.000
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL ⁽⁴⁾	89.900.000.000	49.900.000.000
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽⁵⁾	95.403.044.569	88.206.044.569
- Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng ⁽⁶⁾	75.527.303.254	75.527.303.254
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát ⁽⁷⁾	61.978.386.912	41.978.386.912
- Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên ⁽⁸⁾	16.850.000.000	54.063.771.977
- Các đối tượng khác ⁽⁹⁾	238.038.991.142	155.908.397.142
Phải thu về cho mượn ngắn hạn các bên khác	1.847.373.447	4.447.373.447
- Công ty CP ĐT & PT Năng lượng sạch Tây Nguyên	1.847.373.447	1.447.373.447
- Các đối tượng khác	-	3.000.000.000
Cộng ^(*)	1.051.832.654.824	832.318.832.801

⁽¹⁾ Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

⁽³⁾ Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay theo Hợp đồng vay vốn số 08A/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/09/2019, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng.

⁽⁴⁾ Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL vay theo Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10,9%/năm cố định trong vòng 12 tháng, hạn mức cho vay 525.000.000.000 đồng.

⁽⁵⁾ Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo các Hợp đồng :

- Hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018 và Phụ lục Hợp đồng số 01-03/2018/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng vay vốn số 03/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 15/08/2021, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 86.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

(6) Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng vay theo Hợp đồng vay vốn số 05/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 05/06/2019, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 7%/năm, hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng.

(7) Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo Hợp đồng vay vốn số 06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, Hạn mức cho vay 250.000.000.000 đồng.

(8) Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên vay theo các Hợp đồng sau :

- Hợp đồng số 04/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 17/08/2021, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 14/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 31/12/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-14/2019/HĐVV-ĐLGL/PLHĐ ngày 10/01/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, hạn mức cho vay 30.489.397.260 đồng, lãi suất 10,9%/năm.

(9) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn các bên liên quan	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn các bên khác	1.070.445.247.285	1.292.431.475.308
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL ⁽¹⁰⁾	334.407.500.000	374.407.500.000
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽¹¹⁾	170.000.000.000	220.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽¹²⁾	162.657.805.400	222.657.805.400
- Vũ Văn Tin ⁽¹³⁾	106.055.213.566	131.255.213.566
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát ⁽¹⁴⁾	100.005.600.000	120.005.600.000
- Các đối tượng khác ⁽¹⁵⁾	197.319.128.319	224.105.356.342
Cộng ^(*)	1.070.445.247.285	1.292.431.475.308

(10) Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL vay theo Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10,9%/năm cố định trong vòng 12 tháng, hạn mức cho vay 525.000.000.000 đồng.

(11) Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

(12) Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng vay vốn số 05/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 25/12/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng.

(13) Vũ Văn Tin vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 18/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-04/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 04/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 11,8%/năm, hạn mức cho vay 210.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

⁽¹⁴⁾ Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo Hợp đồng vay vốn số 06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay là 250.000.000.000 đồng.

⁽¹⁵⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

(*) Tổng các khoản cho các tổ chức, cá nhân vay (tại mục V.5a và V.5b) tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 2.122.277.902.109 đồng không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chủ yếu là lãi cho vay.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.542.904.208	10.542.904.208
- Công ty TNHH Điện tử DLG Asen	7.948.896.585	7.948.896.585
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	2.594.007.623	2.594.007.623
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	310.977.754.150	218.551.845.786
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	71.842.005.613	54.412.620.258
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai	41.655.678.332	23.366.844.052
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	26.827.857.545	36.927.290.209
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	26.486.297.359	21.487.722.017
- Tạm ứng cho nhân viên	4.000.967.044	2.387.047.798
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	131.137.800	131.137.800
- Phải thu khác	140.033.810.457	79.839.183.652
Cộng	321.520.658.358	229.094.749.994

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.268.670.000	1.268.670.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	1.268.670.000
Cộng	1.268.670.000	1.268.670.000

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(306.529.063.019)	(356.187.585.692)
Trích lập dự phòng bổ sung	(338.288.507.061)	(1.165.215.745)
Hoàn nhập dự phòng	24.760.738.749	76.902.873.789
Số cuối kỳ	(620.056.831.331)	(280.449.927.648)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Dự phòng
- Phải thu khách hàng quá hạn	752.316.507.948	561.218.635.345	(191.097.872.603)	761.974.744.620	631.184.956.716	(130.789.787.904)
- Phải thu về cho vay quá hạn	2.072.277.902.109	1.864.725.181.574	(207.552.720.535)	841.821.459.354	763.472.496.405	(78.348.962.949)
- Phải thu khác quá hạn	321.520.658.358	165.106.343.311	(156.414.315.047)	226.518.003.817	195.761.351.001	(30.756.652.816)
- Trả trước cho người bán quá hạn	49.478.487.471	2.486.564.325	(46.991.923.146)	51.657.408.001	3.023.748.651	(48.633.659.350)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)
Cộng	3.245.593.555.886	2.625.536.724.555	(620.056.831.331)	1.931.971.615.792	1.625.442.552.773	(306.529.063.019)

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	9.913.879.858	-	10.698.581.339	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.280.185.256	-	8.436.471.464	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	6.140.037.770	-	6.209.918.775	-
- Hàng hóa ⁽³⁾	173.221.234.045	(670.779.177)	173.192.914.026	(115.906.427)
Cộng	197.555.336.929	(670.779.177)	198.537.885.604	(115.906.427)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF... dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ.⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ.⁽³⁾ Hàng hoá chủ yếu là đá và gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	799.930.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.887.345.953
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	799.930.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.887.345.953
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.919.873.934	6.792.827.117	11.788.331.938	368.949.109	-	320.000.000	26.189.982.098
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	43.952.722.303	9.562.092.159	13.696.135.315	546.921.527	26.653.725.176	1.299.642.021	95.711.238.501
Khấu hao trong kỳ	3.765.051.751	239.574.583	140.369.886	69.690.613	4.397.501.976	97.964.202	8.710.153.011
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	47.717.774.054	9.801.666.742	13.836.505.201	616.612.140	31.051.227.152	1.397.606.223	104.421.391.512
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	204.108.182.273	1.720.864.049	899.531.169	253.009.400	149.231.357.279	963.163.282	357.176.107.452
Số cuối kỳ ^(*)	200.343.130.522	1.481.289.466	759.161.283	183.318.787	144.833.855.303	865.199.080	348.465.954.441

^(*) Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 339.829.493.157 đồng (xem tại thuyết minh V.20, V.21).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	81.652.795	317.684.000	399.336.795
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	81.652.795	317.684.000	399.336.795
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	81.652.795	256.340.000	337.992.795
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	81.652.795	312.972.501	394.625.296
- Khấu hao trong kỳ	-	4.381.716	4.381.716
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	81.652.795	317.354.217	399.007.012
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	4.711.499	4.711.499
Số cuối kỳ ^(*)	-	329.783	329.783

^(*) Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất^(*)	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	21.641.537.135	145.360.574.671	167.002.111.806
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	21.641.537.135	145.360.574.671	167.002.111.806
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	4.436.048.989	4.436.048.989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	798.232.316	49.227.643.023	50.025.875.339
- Khấu hao trong kỳ	159.221.988	2.473.318.338	2.632.540.326
Số cuối kỳ	957.454.304	51.700.961.361	52.658.415.665
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.843.304.819	96.132.931.648	116.976.236.467
Số cuối kỳ	20.684.082.831	93.659.613.310	114.343.696.141

Trong đó: Giá trị còn lại cuối kỳ của Quyền sử dụng đất và Nhà cửa vật kiến trúc đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay lần lượt là 9.063.000.000 đồng và 93.659.613.310 đồng (xem tại thuyết minh V.20, V.21).

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 1A, Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với nguyên giá 9.063.000.000 đồng, diện tích 6.360 m², thời hạn sử dụng: lâu dài. Mục đích sử dụng: cho Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng thuê hoạt động. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (xem tại thuyết minh V.20).

- Quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 1A, Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với nguyên giá 12.578.537.135 đồng, diện tích 9.014 m², thời hạn sử dụng đến 16/2/2059. Mục đích sử dụng: cho Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng thuê hoạt động.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	32.436.436.566	77.136.413	-	32.513.572.979
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku	30.480.950.173	77.136.413	-	30.558.086.586
- Các công trình khác	1.955.486.393	-	-	1.955.486.393
Cộng	32.436.436.566	77.136.413	-	32.513.572.979

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác.

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	806.137.312.500	525.998.052.014	(280.139.260.486)	806.137.312.500	539.130.748.325	(267.006.564.175)
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng ⁽¹⁾	1.979.700.000	929.783.271	(1.049.916.729)	1.979.700.000	855.777.956	(1.123.922.044)
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông ⁽²⁾	176.500.000.000	176.500.000.000	-	176.500.000.000	176.500.000.000	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai ⁽³⁾	149.800.000.000	-	(149.800.000.000)	149.800.000.000	-	(149.800.000.000)
- Công ty Mass Noble Investment Limited ⁽⁴⁾	249.157.612.500	244.161.855.466	(4.995.757.034)	249.157.612.500	249.157.612.500	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL ⁽⁵⁾	228.700.000.000	104.406.413.277	(124.293.586.723)	228.700.000.000	112.617.357.869	(116.082.642.131)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai ⁽⁶⁾	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
- Công ty CP Đức Long Tây Nguyên ⁽⁷⁾	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP DLG CY Việt Nam ⁽⁸⁾	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc ⁽⁹⁾	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Cộng	815.518.078.500	534.898.818.014	(280.619.260.486)	815.518.078.500	548.031.514.325	(267.486.564.175)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2022 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.979.700.000 đồng, tương ứng nắm giữ 2,64% vốn điều lệ của Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (số đầu năm là 1.979.700.000 đồng, tương ứng 2,64% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng là 72.520.300.000 đồng. Ngày 29/12/2018, theo Quyết định số 65/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Đức Long Đà Nẵng (nay là Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng) cho Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Đà Nẵng. Cho đến hiện tại, việc chuyển nhượng chưa hoàn thành do Công ty đang hoàn thiện một số thủ tục pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất tại bến xe.

(2) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 176.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 70,60% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông (số đầu năm là 176.500.000.000 đồng, tương ứng 70,60% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 149.800.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 73,50% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (số đầu năm là 149.800.000.000 đồng, tương ứng 73,50% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- (4) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 249.157.612.500 đồng, tương ứng nắm giữ 97,73% vốn điều lệ của Công ty Mass Noble Investment Limited (số đầu năm là 249.157.612.500 đồng, tương ứng 97,73% vốn điều lệ).
- (5) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 11.445.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 93,35% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL (số đầu năm là 11.445.000 cổ phiếu, tương ứng 93,35% vốn điều lệ).
- (6) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ).
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900782239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2011, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên là 6.000.000.000 đồng tương ứng năm giữa 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP Đức Long Tây Nguyên. Đến ngày 30/06/2022, Công ty CP Đức Long Tây Nguyên chưa đi vào hoạt động kinh doanh và Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định.
- (8) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314483661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP DLG CY Việt Nam là 912.000.000 đồng tương ứng năm giữa 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP DLG CY Việt Nam. Đến ngày 30/06/2022, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định và Công ty CP DLG CY Việt Nam hiện đang hoạt động kinh doanh.
- (9) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 7,2% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 7,2% vốn điều lệ).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê đất	1.887.070.196	1.911.902.788
- Công cụ, dụng cụ	14.484.851	18.106.061
Cộng (*)	<u>1.901.555.047</u>	<u>1.930.008.849</u>

(*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	1.930.008.849	1.969.231.582
Phát sinh trong kỳ	-	-
Phân bổ trong kỳ	(28.453.802)	(29.573.983)
Số dư cuối kỳ	<u>1.901.555.047</u>	<u>1.939.657.599</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	63.342.015
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	63.342.015
Phải trả cho các người bán khác	197.842.553.030	183.290.613.789
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	51.327.407.966
- Công ty CP Lilama 45.3	31.426.511.438	31.426.511.438
- Các người bán khác	115.088.633.626	100.536.694.385
Cộng (*)	197.842.553.030	183.353.955.804

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 159.147.707.003 đồng.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả tiền trước của các bên liên quan	46.241.309.982	47.250.491.800
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	34.839.674.670	34.839.674.670
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	11.401.635.312	12.219.817.130
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	191.000.000
Trả tiền trước của các người mua khác	31.281.878.265	49.258.936.907
- Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Đà Nẵng	27.500.000.000	27.500.000.000
- Các người mua khác	3.781.878.265	21.758.936.907
Cộng (*)	77.523.188.247	96.509.428.707

(*) Nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 75.559.491.800 đồng.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	299.963.305	-	217.865.324	(299.963.311)	217.865.318	-
- Thuế TNDN	16.769.922.190	-	-	(5.095.690.000)	11.674.232.190	-
- Thuế TNCN	-	2.912.617	1.740.493	-	-	1.172.124
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.302.327.746	-	812.595.819	(180.360.750)	2.934.562.815	-
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	2.844.928.719	-	7.000.000	(9.765.563)	2.842.163.156	-
Cộng	22.217.141.960	2.912.617	1.039.201.636	(5.585.779.624)	17.668.823.479	1.172.124

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(343.985.286.807)	56.062.588.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	373.369.772.982	9.708.001.382
+ Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền và nợ phải thu	24.592.742.494	3.020.232.402
+ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	338.288.507.061	1.165.215.745
+ Trích dự phòng đầu tư tài chính	4.995.757.034	-
+ Chi phí lãi vay loại trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	-	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	5.492.766.393	4.415.550.674
- Các khoản điều chỉnh giảm	(24.985.774.749)	(77.407.902.805)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(225.036.000)	(505.029.016)
+ Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(24.760.738.749)	(76.902.873.789)
Thu nhập chịu thuế	4.398.711.426	(11.637.313.066)
Lỗi các năm trước được chuyển	(4.398.711.426)	-
Thu nhập tính thuế	-	(11.637.313.066)
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	-	-

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công trình xây lắp	82.375.830.788	82.375.830.788
- Chi phí lãi vay	244.796.223.395	212.231.961.741
Cộng (*)	327.172.054.183	294.607.792.529

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 223.264.370.998 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chủ yếu là chi phí lãi vay.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	16.387.708.780	15.530.194.087
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai	12.976.043.323	12.118.883.972
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	2.064.375.501	2.064.375.501
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông	710.339.130	542.670.249
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía nam Thành phố Đà Nẵng	636.950.826	636.950.826
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	-	167.313.539
Phải trả cho các đối tượng khác	487.915.932.817	429.762.372.844
- Chi phí lãi vay	485.827.551.147	427.632.287.287
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- Bảo hiểm	432.928.093	448.597.780
- Phải trả khác	211.595.127	237.629.327
Cộng (*)	504.303.641.597	445.292.566.931

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 490.631.959.147 đồng.

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	90.000.000	90.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	90.000.000	90.000.000
Cộng	90.000.000	90.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số V.20a)	20.057.027.370	20.057.027.370
Vay ngắn hạn các tổ chức khác (Thuyết minh số V.20b)	198.859.875.530	198.859.875.530
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số V.21a)	384.333.656.912	384.333.656.912
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số V.21b)	373.814.331.456	374.814.331.456
Cộng (*)	978.714.891.268	979.714.891.268

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức khác	218.916.902.900	-	-	-	218.916.902.900
- Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	-	-	-	1.650.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	384.333.656.912	-	-	-	384.333.656.912
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	374.814.331.456	-	-	(1.000.000.000)	373.814.331.456
Cộng	979.714.891.268	-	-	(1.000.000.000)	978.714.891.268

20a. Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai				
Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 01/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 06/PL - HĐVV ngày 01/07/2021	20.057.027.370	Từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 31/12/2021	8,5%/năm	Tin chấp
Tổng cộng	20.057.027.370			

20b. Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HĐTD ngày 11/10/2017	176.254.815.400	Từ ngày 11/10/2017 đến hết ngày 31/8/2018	Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.	Máy móc, thiết bị chế biến gỗ thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9) và tài sản của ông Nguyễn Đình Trạc (người quản lý công ty con) (xem thuyết minh VII.3c)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT500-DUCLONG ngày 02/01/2018	22.605.060.130	Từ ngày 02/01/2018 đến hết ngày đến hết ngày 31/12/2018	Lãi suất vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chi có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên.	Được bảo lãnh bởi ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến ông Bùi Pháp) (xem thuyết minh VII.3c), Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL (Công ty con) (xem thuyết minh VII.3d) và một số phương tiện vận tải khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9).
Tổng cộng	198.859.875.530			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức khác (Thuyết minh số V.21a)	56.191.180.000	56.191.180.000
- Vay dài hạn trái phiếu thường (Thuyết minh số V.21b)	113.743.026.685	113.483.696.683
Cộng (*)	<u>169.934.206.685</u>	<u>169.674.876.683</u>

(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 929.262.079.175 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Chuyển sang vay nợ đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Vay dài hạn ngân hàng, cá nhân	56.191.180.000	-	-	-	56.191.180.000
- Trái phiếu thường	113.483.696.683	259.330.002	-	-	113.743.026.685
Cộng	<u>169.674.876.683</u>	<u>259.330.002</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>169.934.206.685</u>

21a. Vay dài hạn các ngân hàng và các tổ chức khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	152.489.858.000	152.489.858.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	55.174.137.200	55.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	48.283.000.000	48.283.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM	178.012.997.289	178.012.997.289
- Công ty CP Đầu tư Phát triển địa ốc Gia Long	6.564.844.423	6.564.844.423
Cộng	<u>440.524.836.912</u>	<u>440.524.836.912</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>56.191.180.000</i>	<i>56.191.180.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>384.333.656.912</i>	<i>384.333.656.912</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
 Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

21a. Vay dài hạn các ngân hàng và các tổ chức khác (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HD ngày 16/5/2008	6.200.000.000	Thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng	Từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022. Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh vào không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HD ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2012/HD ngày 16/1/2012	66.924.000.000	Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng	Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HD ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026	Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
 Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013	19.965.858.000	Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019	Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay.	Bảo lãnh bởi Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL (xem thuyết minh VII.3e).
Tổng cộng	152.489.858.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	41.200.000.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	111.289.858.000			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/1/2014 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/1/2014)	55.174.137.200	Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên	Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân.	Toàn bộ tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay.
Tổng cộng	55.174.137.200			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn:</i>	14.991.180.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	40.182.957.200			



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HDTĐ ngày 19/7/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/6/2014.	48.283.000.000	Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm	Lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (lãi suất vay thả nổi = lãi suất cơ sở + biên độ 4%/năm).	Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, hiện đã hoàn thành và là TSCĐ và BDS của Công ty.
<i>Trong đó:</i>	48.283.000.000			
<i>Vay dài hạn</i>	-			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	48.283.000.000			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/1/2012; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/6/2013	178.012.997.289	Thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016	Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần.	Tài sản hình thành trong tương lai là lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
Tổng cộng	178.012.997.289			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn:</i>	-			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	178.012.997.289			



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Công ty CP Đầu tư Phát triển địa ốc Gia Long				
Hợp đồng vay vốn số 05/HĐV/BDS/2020 ngày 01/01/2020	6.564.844.423	Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	7%/năm	Vay tín chấp
Tổng	6.564.844.423			
Trong đó:				
Vay dài hạn:	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	6.564.844.423			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

21b. Vay dài hạn trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	487.439.831.456	488.439.831.456
Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	374.500.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(256.973.315)	(516.303.317)
Cộng	487.557.358.141	488.298.028.139
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	113.743.026.685	113.483.696.683
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	373.814.331.456	374.814.331.456

Chi tiết số phát sinh về khoản vay trái phiếu thường trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Trái phiếu dài hạn	113.483.696.683	259.330.002	-	-	113.743.026.685
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	374.814.331.456	-	-	(1.000.000.000)	373.814.331.456
Cộng	488.298.028.139	259.330.002	-	(1.000.000.000)	487.557.358.141

21b. Vay dài hạn trái phiếu thương (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay trái phiếu như sau:

Tên tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 31/12/2014	365.000.000.000	Từ ngày 31/12/2014 đến hết ngày 31/12/2019	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (xem thuyết minh VII.3d, VII.3e) và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9).
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017	122.439.831.456	Từ ngày 30/7/2017 đến hết ngày 30/12/2022	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương (xem thuyết minh VII.3c) và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.9).
Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000			
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(256.973.315)			
Tổng	487.557.358.141			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn:</i>	<i>113.743.026.685</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>373.814.331.456</i>			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

22. Vốn chủ sở hữu**22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại **Phụ lục 01**.**22.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.3. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. Tài khoản ngoài bảng**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	1.246,65	1.267,81

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các khách hàng khác	2.777.956.695	2.777.956.695
Cộng	<u>3.948.050.164</u>	<u>3.948.050.164</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	2.523.421.048	3.036.652.860
- Doanh thu bán phân bón	-	22.154.185.000
- Doanh thu bán đá	14.367.730.000	41.577.894.600
- Doanh thu cho thuê tài sản	2.931.087.152	2.137.374.513
- Doanh thu khách sạn, nhà nghỉ	13.318.174	277.433.531
Cộng	<u>19.835.556.374</u>	<u>69.183.540.504</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	2.436.076.407	3.417.421.460
- Giá vốn bán phân bón	-	22.090.980.500
- Giá vốn bán đá	14.370.175.072	41.528.793.637
- Giá vốn cho thuê tài sản	2.829.669.079	3.019.444.274
- Giá vốn khách sạn, nhà nghỉ	1.095.367.256	1.145.480.793
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	554.872.750	115.906.427
Cộng	<u>21.286.160.564</u>	<u>71.318.027.091</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	109.833.865.766	99.071.477.923
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	225.036.000	505.029.016
Cộng	<u>110.058.901.766</u>	<u>99.576.506.939</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay	66.643.987.824	60.020.577.119
- Lãi trái phiếu	25.140.365.922	26.219.537.261
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.592.742.494	3.020.232.402
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	13.132.696.311	15.269.208.474
- Phân bổ chi phát hành trái phiếu	259.330.002	259.330.002
Cộng	<u>129.769.122.553</u>	<u>104.788.885.258</u>

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	36.649.572	37.670.941
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	36.960.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.272.728	12.957.081
Cộng	37.922.300	87.588.022

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	1.746.166.091	1.879.664.041
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.223.964.855	2.941.971.426
- Dự phòng khoản phải thu quá hạn khó đòi	338.288.507.061	1.165.215.745
- Hoàn nhập khoản phải thu quá hạn khó đòi (*)	(24.760.738.749)	(76.902.873.789)
- Chi phí dịch vụ, bằng tiền khác	1.627.888.147	1.891.019.994
Cộng	319.125.787.405	(69.025.002.583)

(*) Công ty đã hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong kỳ này.

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí phạt chậm nộp	5.828.323	1.107.002.561
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	5.189.243.509	4.424.308.861
- Chi phí khác	247.763.589	7.144.038
Cộng	5.442.835.421	5.538.455.460

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.002.671.481	1.594.270.392
- Chi phí nhân công	2.769.277.935	3.542.146.116
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.347.075.053	11.459.274.341
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	1.744.553.740	6.574.794.277
Cộng	16.863.578.209	23.170.485.126

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

- Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Cột	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên HĐQT
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Lê Đức Kỳ	Thành viên HĐQT miễn nhiệm từ ngày 30/06/2022
Ông Trần Cao Châu	- Thành viên HĐQT miễn nhiệm từ ngày 30/06/2022 - Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ ngày 30/09/2021
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Như Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Đình Anh Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát miễn nhiệm từ ngày 30/06/2022
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiêm phụ trách kế toán
Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Tường Cột	101.331.909	-
Ông Trần Cao Châu	-	213.739.317
Bà Vũ Thị Hải	151.997.863	155.470.086
Ông Phạm Minh Việt	210.000.000	214.200.000
Ông Trần Văn Phương	150.000.000	150.000.000
Ông Đỗ Thành Nhân	115.124.110	117.118.946
Cộng	728.453.882	850.528.349

Trong kỳ, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

STT	Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Công ty con
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông	Công ty con
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Công ty con
4.	Công ty Mass Noble Investment Limited	Công ty con
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	Công ty con
6.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	- Công ty con đến ngày 29/09/2021 - Chung thành viên lãnh đạo
7.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
8.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết
9.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết
10.	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
11.	Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung thành viên lãnh đạo
12.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo
13.	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn - Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven
14.	Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	- Chung cổ đông lớn
15.	Ông Nguyễn Đình Trạc	Người quản lý công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	50.000.000	50.000.000

Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay phải trả	167.668.881	978.969.918

Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	818.181.818	-
Chi phí lãi vay phải trả	857.159.351	1.042.965.423

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	899.950.897
Lãi vay đã trả	167.313.539	-
Đi vay	-	861.000.000
Trả nợ gốc đi vay	-	700.000.000

Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.036.000

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	654.545.455	1.073.582.688

Công ty TNHH Đức Long Dung Quất

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cho vay	-	1.400.100.000

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cho mượn tiền	300.000.000	-
Thu hồi tiền cho mượn	300.000.000	-

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	768.000.000	768.000.000
Chi phí thuê tài sản	-	218.181.819
Chi phí mua điện sản xuất	120.767.365	256.800.885
Chi phí lãi vay phải trả	-	306.893.798
Đi vay	-	8.240.600.000
Trả tiền vay	-	12.249.040.008

Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi vay đã trả	-	556.958.287

- Số dư với các bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.3, V.4, V.6a, V.16, V.19a, V.20.

3c. Bảo đảm của cá nhân cho các khoản Công ty đi vay

Ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp); Ông Nguyễn Đình Trạc (người quản lý công ty con) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.20, V.21).

3d. Bảo đảm của bên liên quan cho các khoản Công ty đi vay

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.20, V.21).

3e. Bảo đảm của tổ chức không phải bên liên quan cho các khoản Công ty đi vay

Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL, Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.21).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: sản phẩm từ gỗ.
- Hàng hóa: Phân bón, đá
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• Kỳ này

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán phân bón	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.523.421.048	-	14.367.730.000	2.931.087.152	13.318.174	19.835.556.374
Giá vốn hàng bán	2.436.076.407	-	14.370.175.072	2.829.669.079	1.095.367.256	20.731.287.814
Lợi nhuận gộp	87.344.641	-	(2.445.072)	101.418.073	(1.082.049.082)	(895.731.440)

• Kỳ trước

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán phân bón	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.036.652.860	22.154.185.000	41.577.894.600	2.137.374.513	277.433.531	69.183.540.504
Giá vốn hàng bán	3.417.421.460	22.090.980.500	41.528.793.637	3.019.444.274	1.261.387.220	71.318.027.091
Lợi nhuận gộp	(380.768.600)	63.204.500	49.100.963	(882.069.761)	(983.953.689)	(2.134.486.587)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty là chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp tài sản cố định hữu hình, Bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2022 dùng để thế chấp lần lượt là 339.829.493.157 đồng và 102.722.613.310 đồng (xem tại thuyết minh V.9, V.11).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 30/06/2022, khoản lỗ thuần lũy kế của Công ty là (1.415.163.392.665) đồng. Đồng thời, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 299.172.484.383 đồng. Ngoài ra, Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.877.865.608.123 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, tại ngày lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị của Công ty đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu trong năm 2022 ÷ 2023, tập trung phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án đang đảm bảo dư nợ ngân hàng nhằm giảm dần dư nợ gốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để tìm đối tác huy động nguồn vốn hoặc chuyển nhượng một phần các dự án này, đồng thời tăng cường thu hồi các khoản công nợ nhằm tất toán các khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 31/12/2023 và xin miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo Doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

7. Các cam kết khác

Tình hình thực hiện cam kết góp vốn của Công ty vào các Công ty con, Công ty liên kết và Công ty đầu tư như sau:

	Vốn điều lệ của các Công ty nhận đầu tư	Trong đó: Công ty cam kết góp		Vốn góp thực tế (theo mệnh giá) của Công ty đến ngày 30/06/2022	Vốn góp thiếu
		Tỷ lệ	Vốn cam kết góp		
Đầu tư vào Công ty con	971.372.401.456		827.946.985.508	755.426.685.508	72.520.300.000
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	75.000.000.000	99,33%	74.500.000.000	1.979.700.000	72.520.300.000
- Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông	250.000.000.000	70,60%	176.500.000.000	176.500.000.000	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	203.810.000.000	73,50%	149.800.000.000	149.800.000.000	-
- Công ty Mass Noble Investment Limited	320.062.401.456	97,73%	312.796.985.508	312.796.985.508	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Vốn điều lệ của các Công ty nhận đầu tư	Trong đó: Công ty cam kết góp		Vốn góp thực tế (theo mệnh giá) của Công ty đến ngày 30/06/2022	Vốn góp thiếu
		Tỷ lệ	Vốn cam kết góp		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	122.500.000.000	93,35%	114.350.000.000	114.350.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	20.241.000.000		7.504.200.000	592.200.000	6.912.000.000
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.961.000.000	20,00%	592.200.000	592.200.000	-
- Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	15.000.000.000	40,00%	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Công ty CP DLG CY Việt Nam	2.280.000.000	40,00%	912.000.000	-	912.000.000
Đầu tư dài hạn khác	12.000.000.000		480.000.000	480.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	12.000.000.000	4,00%	480.000.000	480.000.000	-
Cộng	1.003.613.401.456		835.931.185.508	756.498.885.508	79.432.300.000

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người lập biểu


ĐỖ THÀNH NHÂNTrưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám đốc


NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

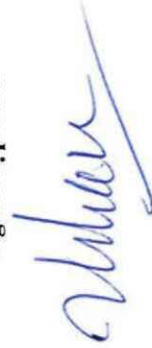
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>					
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.107.867.556.385)	1.941.936.988.902
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	56.062.588.357	56.062.588.357
- Lãi trong kỳ	-	-	-	56.062.588.357	56.062.588.357
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.051.804.968.028)	1.997.999.577.259
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>					
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.071.178.105.858)	1.978.626.439.429
6. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
7. Giảm trong kỳ	-	-	-	(343.985.286.807)	(343.985.286.807)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(343.985.286.807)	(343.985.286.807)
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.415.163.392.665)	1.634.641.152.622

Người lập biểu



ĐỖ THÀNH NHÂN

Trưởng phòng TC – KT



ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Tổng Giám đốc

